|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐỀ KIỂM TRA HỌC GIỮA HỌC KÌ IMôn: Sinh học - Lớp 9 – Thời gian: 45 phútNgày kiểm tra: 02/11/2023 |

***Lưu ý: - Học sinh không làm bài vào đề kiểm tra.***

***- Học sinh ghi mã đề vào bài kiểm tra.***

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM *(6,0 điểm).*** *Chọn chữ cái trước đáp án đúng cho mỗi câu sau:*

**Câu 1.** Cặp tính trạng tương phản là gì?

A. Là hai trạng thái khác nhau của cùng một loại tính trạng.

B. Là hai trạng thái biểu hiện trái ngược nhau của cùng một loại tính trạng.

C. Là hai tính trạng khác nhau.

D. Là hai tính trạng khác loại

## Câu 2. Dòng thuần là gì?

## A. Là dòng có kiểu hình đồng nhất.

## B. Là dòng có đặc tính di truyền đồng nhất.

## C. Là dòng có đặc tính di truyền đồng nhất, các thế hệ sau giống các thế hệ trước.

## D. Là dòng có kiểu hình trội đồng nhất.

## Câu 3. Đặc điểm nào dưới đây của cây đậu Hà Lan là không đúng?

A. Tự thụ phấn chặt chẽ. C. Có thể tiến hành giao phấn giữa các cá thể khác nhau.

B. Thời gian sinh trưởng khá dài. D. Có nhiều cặp tính trạng tương phản.

## Câu 4. Theo quan niệm của Menđen, mỗi tính trạng của cơ thể do

A. một nhân tố di truyền quy định.

B. một cặp nhân tố di truyền quy định.

C. một cặp nhân tố di truyền khác loại quy định.

D. hai cặp nhân tố di truyền khác loại quy định.

## Câu 5. Theo Menđen, với n cặp gen dị hợp phân ly độc lập thì số lượng các loại giao tử là bao nhiêu?

A. Số lượng các loại giao tử là 2n. C. Số lượng các loại giao tử là 3n.

B. Số lượng các loại giao tử là 4n. D. Số lượng các loại giao tử là 5n.

## Câu 6. Kiểu gen nào dưới đây là kiểu gen đồng hợp?

## A. AaBb

## B. AABb

## C. AAbb

## D. aaBb

## Câu 7. Kiểu gen nào dưới đây là kiểu gen dị hợp?

## A. AaBb

## B. AAbb

## C. AABB

## D. aabb

## Câu 8. Trong giảm phân NST phân li về hai cực ở kì nào?

A. Kì đầu.

B. Kì giữa.

C. Kì sau.

D. Kì cuối.

## Câu 9. Bộ NST lưỡng bội của người có số lượng NST là

## A. 44

## B. 46

## C. 48

## D. 64

## Câu 10. Cặp NST tương đồng là cặp NST

## A. giống nhau về hình thái, kích thước và có cùng nguồn gốc từ bố, hoặc có nguồn gốc từ mẹ.

## B. giống nhau về hình thái, kích thước và một có nguồn gốc từ bố, một có nguồn gốc từ mẹ.

## C. giống nhau về hình thái, khác nhau về kích thước và một có nguồn gốc từ bố, một có nguồn gốc từ mẹ.

## D. khác nhau về hình thái, giống nhau về kích thước, một có nguồn gốc từ bố, một có nguồn gốc từ mẹ.

## Câu 11. Loại tế bào nào có bộ NST lưỡng bội?

A. Hợp tử và tế bào sinh dưỡng.

B. Giao tử.

C. Tế bào trứng.

D. Tế bào tinh trùng.

**Câu 12.**Đặc điểm của NST giới tính là

A. có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng.

B. có 1 đến 2 cặp trong tế bào.

C. số cặp trong tế bào thay đổi tuỳ loài.

D. luôn chỉ có một cặp trong tế bào sinh dưỡng.

**Câu 13.**Trong tế bào 2n ở người, kí hiệu của cặp NST giới tính là:

A. XX ở nữ và XY ở nam. C. ở nữ và nam đều có cặp tương đồng XX.

B. XX ở nam và XY ở nữ. D. ở nữ và nam đều có cặp không tương đồng XY.

**Câu 14.**Loài nào dưới đây có cặp NST giới tính XX ở giới đực và XY ở giới cái?

A. Ruồi giấm. B. Các động vật thuộc lớp Chim. C. Người. D. Động vật có vú.

**Câu 15.**Chức năng của NST giới tính là

A. xác định giới tính và chứa gen qui định tính trạng thường không liên kết giới tính.

B. chứa gen qui định tính trạng thường liên kết giới tính và không xác định giới tính.

C. xác định giới tính và chứa gen qui định tính trạng thường liên kết giới tính.

D. chỉ xác định giới tính và không chứa gen qui định tính trạng.

**Câu 16.**Loài nào dưới đây có cặp NST XX ở giới cái và cặp NST XY ở giới đực?

A. Bò sát

   B. Ếch nhái

   C. Tinh tinh

   D. Bướm tằm

**Câu 17.** Theo dõi thí nghiệm của Menđen, khi lai đậu Hà Lan thuần chủng hạt vàng, trơn và hạt xanh, nhăn với nhau thu được F1 đều hạt vàng, trơn. Khi cho F1 tự thụ phấn thì F2 có tỉ lệ kiểu hình là:

A. 9 hạt vàng, nhăn: 3 hạt vàng, trơn: 3 xanh, nhăn: 1 xanh, trơn.

B. 9 vàng, trơn: 3 xanh, nhăn: 3 xanh, trơn: 1 vàng, nhăn.

C. 9 vàng, nhăn: 3 xanh, nhăn: 3 vàng, trơn: 1 xanh, trơn.

D. 9 vàng, trơn: 3 vàng, nhăn: 3 xanh, trơn: 1 xanh, nhăn.

**Câu 18.** Kết quả của một phép lai có tỷ lệ kiểu hình là 9: 3: 3: 1. Hãy xác định kiểu gen của phép lai trên?

A. AaBb x AaBb

B. AABB x aabb

C. Aabb x aaBb

D. AAbb x aabb

**Câu 19.** Những loại giao tử có thể tạo được từ kiểu gen AaBb là

A. AB, Ab, aB, ab

B. AB, Ab

C. Ab, aB, ab

D. AB, Ab, aB

**Câu 20.** Hình thức sinh sản tạo ra nhiều biến dị tổ hợp ở sinh vật là

A. sinh sản vô tính. B. sinh sản hữu tính. C. sinh sản sinh trưởng. D. sinh sản nảy chồi.

## Câu 21. Theo Menđen, với n cặp gen dị hợp phân ly độc lập thì số lượng các loại kiểu hình là bao nhiêu?

## A. Số lượng các loại kiểu hình là 2n.

## B. Số lượng các loại kiểu hình là 3n.

## C. Số lượng các loại kiểu hình là 4n.

## D. Số lượng các loại kiểu hình là 5n.

## Câu 22. Một tế bào sinh dục mang 3 cặp NST tương đồng kí hiệu là Aa, Bb, Dd qua giảm phân có thể tạo ra những giao tử nào?

## A. ABD, Aad, AbD, Abd, aBD, aBd, abD, abd.

## B. ABD, ABd, AbD, Abd, aBD, aBd, abD, abd.

## C. ABD, ABd, AbD, Abd, aBD, aBd, abD, aDd.

## D. ABD, ABd, AAD, Abd, aBD, aBd, abD, abd.

**Câu 23.**Hiện tượng cân bằng giới tính là

A. tỉ lệ đực : cái xấp xỉ 1 : 1 tính trên số lượng cá thể lớn của một loài động vật phân tính.

B. Tỉ lệ cá thể đực và cái ngang nhau trong một quần thể giao phối.

C. Tỉ lệ cá thể đực cái ngang nhau trong một lần sinh sản.

D. Cơ hội trứng thụ tinh với tinh trùng X và tinh trùng Y ngang nhau.

**Câu 24.**Nguyên nhân của hiện tượng cân bằng giới tính là

A. do tỉ lệ giao tử mang NST giới tính X bằng Y hay X bằng O.

B. tuân theo quy luật số lớn.

C. do quá trình tiến hoá của loài.

D. do tỉ lệ giao tử mang NST giới tính X bằng Y hay X bằng O, tuân theo quy luật số lớn.

**PHẦN II: TỰ LUẬN (*4,0 điểm*)**

**Câu 25 (*2,0 điểm)*.** Nêu những diễn biến cơ bản của NST trong quá trình nguyên phân.

**Câu 26 *(2,0 điểm)*.** Ở đậu Hà Lan, thân cao là tính trạng trội hoàn toàn so với thân thấp. Cho cây đậu Hà Lan thân cao thuần chủng thụ phấn với cây đậu Hà Lan có thân thấp.

a. Xác định kết quả thu được ở F1 và F2?

b. Nếu cho cây F1 và F2 có thân cao lai với nhau thì kết quả thu được sẽ như thế nào?

*-----Hết-----*

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – ĐỀ 901

## MÔN: SINH HỌC 9

## THỜI GIAN 45 PHÚT (NĂM HỌC 2023 – 2024)

**I. TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm) (mỗi câu đúng được 0,25 đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | B | C | B | B | A | C | A | C | B | B | A | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| **Đáp án** | A | B | C | C | D | A | A | B | A | B | A | D |

**II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **Câu 1**  (2,0 điểm) | *1. Kỳ trung gian:*  - NST dài, mảnh, duỗi xoắn.  - NST nhân đôi thành NST kép.  - Trung tử nhân đôi thành 2 trung tử tiến về 2 cực của TB  *2. Nguyên phân*   |  |  | | --- | --- | | ***Các kì*** | ***Những diễn biến cơ bản của NST*** | | ***Kì đầu*** | - NST kép bắt đầu đóng xoắn và co ngắn nên có hình thái rõ rệt.  - Các NST kép đính vào các sợi tơ của thoi phân bào ở tâm động. | | ***Kì giữa*** | - Các NST kép đóng xoắn cực đại.  - Các NST kép xếp thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào. | | ***Kì sau*** | - Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động thành hai NST đơn phân li về hai cực của tế bào. | | ***Kì cuối*** | - Các NST đơn dãn xoắn dài ra, ở dạng sợi mảnh dần thành nhiễm sắc chất. |   *Kết quả:* Từ 1 tế bào mẹ (2n NST) cho ra 2 tế bào con có bộ NST giống như bộ NST của tế bào mẹ (2n NST). | 0,5 đ  1 đ  Mỗi ý đúng 0,25 đ  0,5 đ |
| **Câu 2**  (2,0 điểm) | 1. Theo giả thiết đề bài, ta có qui ước:   gen A: Thân cao; gen a: Thân thấp.  - Ptc: Cây thân cao có kiểu gen: AA  Cây thân thấp có kiểu gen: aa   - Sơ đồ lai:  P: (thân cao AA x aa (thân thấp)  Gp: A a  F1: Aa → 100% cây thân cao.  F1 x F1: (thân cao) Aa x Aa (thân cao)  GF1: A, a A, a  F2: + TLKG: 1AA: 2Aa: 1aa  + TLKH: 3 thân cao: 1 thân thấp.   1. Thân cao F1 x Thân cao F2   Cây F2 thân cao có thể có kiểu gen: AA hoặc Aa  - Trường hợp 1:  P: (Thân cao F1) Aa x Aa (Thân cao F2)  GP: A, a A, a  F3: AA: Aa: Aa: aa  + TLKG: 1AA: 2Aa: 1aa  + TLKH: 3 thân cao : 1 thân thấp.  - Trường hợp 2:  P: (thân cao F1) Aa x AA (thân cao F2)  GP: A, a A  F3: AA : Aa  + TLKG: 1AA : 1Aa  + TLKH: 100% cây thân cao. | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,5 đ  0,25 đ |